

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2020/HS-PT
Ngày 07-7-2020.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH YÊN BÁI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Nguyễn Trung Dũng

Các Thẩm phán:

ông Trần Trung Hải
bà Nguyễn Thị Vân

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thu Hà - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái tham gia phiên toà: bà
Phạm Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 27/2020/TLPT-HS ngày 03 tháng 6 năm 2020, đối với bị cáo Lê Thị Minh Đ và các bị cáo khác, do có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện YB và kháng cáo của bị cáo Lê Thị Minh Đ, đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái.

- Các bị cáo bị kháng nghị

1. Lê Thị Minh Đ sinh ngày 08 tháng 3 năm 1983 tại huyện YB, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Tổ dân phố số 3, thị trấn B, huyện YB, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Phú H sinh năm 1947 (đã chết) và bà Trần Thị T sinh năm 1956; Chồng là Nguyễn Tiến S sinh năm 1979 và 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-01-2020 đến ngày 19-02-2020, được thay thế biện pháp ngăn chặn bảo lãnh. Hiện đang tại ngoại; Có mặt.

2. Đỗ Bảo H sinh ngày 10 tháng 4 năm 1979 tại huyện YB, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn LC, xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 8/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Thảo H1 sinh năm 1939 và bà Thân Thị E sinh năm 1942; Vợ là Trần Thị Thu H2 sinh năm 1982 và 03 con, con lớn nhất sinh năm 2005, con nhỏ nhất sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại; Có mặt.

3. Đinh Văn Q sinh ngày 17 tháng 02 năm 1997 tại huyện YB, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn L, xã PA, huyện YB, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn L1 sinh năm 1972 và bà Nông Thị S1 sinh năm 1974; Vợ là Đỗ Thị Bích Ph, sinh năm 1997 chưa có con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại; Có mặt.

4. Đỗ Anh C sinh ngày 10 tháng 11 năm 1986 tại huyện YB, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Tổ dân phố số 3, thị trấn B, huyện YB, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Xuân Tr sinh năm 1954 và bà Hoàng Thị L2 sinh năm 1960; Vợ là Nguyễn Thị Quỳnh T1 sinh năm 1986 và 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại; Có mặt.

5. Nguyễn Văn A sinh ngày 08 tháng 02 năm 1966 tại huyện YB, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Thôn TT, xã YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 5/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Thiên chúa; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn M sinh năm 1928 (đã chết) và bà Lý Thị C1, sinh năm 1935; Vợ là Đỗ Thị Hoàng O sinh năm 1967 và 04 con, con lớn nhất sinh năm 1990, con nhỏ nhất sinh năm 2005; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại; Có mặt.

6. Đào Thị N sinh ngày 05 tháng 6 năm 1975 tại huyện YB, tỉnh Yên Bái; Nơi cư trú: Tổ dân phố K, phường NP, thành phố Y, tỉnh Yên Bái; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: Lớp 5/10; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nữ; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đào Mạnh I (đã chết) và bà Kim Thị M1, sinh năm 1932; chồng là: Nguyễn Văn V sinh năm 1972 và 02 con, con lớn sinh năm 1995, con nhỏ sinh năm 2008; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Hiện đang tại ngoại; Có mặt.

- Bị cáo có kháng cáo: **Lê Thị Minh Đ** (có lý lịch như nêu ở trên)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào 17 giờ 35 phút ngày 08-01-2020, tổ công tác Phòng cảnh sát hình sự Công an tỉnh Yên Bái bắt quả tang Phạm Thị Na D đang có Hnh vi bán số lô, số đề cho Đặng Xuân X và dùng điện thoại di động nhắn tin chuyển số lô, số đề cho Lê Thị Minh Đ.

Vào hồi 20 giờ 30 ngày 08-01-2020, Cơ quan điều tra tiến Hnh khám xét khẩn cấp người, nơi ở, đồ vật của Lê Thị Minh Đ, thu giữ 01 điện thoại di động hiệu OPPO lắp sim thuê bao 0336378808; 02 tờ giấy có ghi các chữ số tự nhiên và 48.300.000 đồng.

Tại Cơ quan điều tra, Lê Thị Minh Đ khai nhận: Khoảng đầu năm 2019, Đ và Đỗ Bảo H thỏa thuận khi có số đề thì Đ sẽ chuyển cho H qua tin nhắn điện thoại di động, thỏa thuận giá số đề là 75% tổng số tiền mua (Đ hưởng 25%). Đỗ Bảo H đã thỏa thuận với Đinh Văn Q (là cháu rể của H) nhận giúp H số đề mà Đ chuyển qua tin nhắn trên thoại di động của H bằng cách nhắn tin trả lời “OK”, cuối năm H sẽ trả công cho Q số tiền là 3.000.000 đồng. Lê Thị Minh Đ đã bán số lô, số đề cho nhiều người chơi. Hình thức chơi và thanh toán kết quả được thua số lô, số đề sẽ đối chiếu theo kết quả Xổ số kiến thiết Miền Bắc mở thưởng trong ngày; số đề trúng thưởng là số trùng với hai số cuối của giải đặc biệt, tỷ lệ trả thưởng là 01 (một) được 70 (bảy mươi); số lô trúng thưởng là số trùng với hai số cuối của tất cả các giải, tỷ lệ trả thưởng là 01 điểm lô là 80.000 đồng nhân với số lần trùng lặp. Đ thỏa thuận với người chơi giá số đề là 77% hoặc 100% tổng số tiền mua, giá số lô là 22.500đồng/1 điểm hoặc 23.000đồng/1 điểm tùy từng người chơi. Đ sẽ thanh toán trực tiếp và trả thưởng cho người chơi nếu trúng thưởng. Tổng số lô, số đề bán được trong ngày, Đ giữ lại một số số lô, số đề để tự trả thưởng, toàn bộ số đề còn lại Đ dùng điện thoại di động số thuê bao 0336378808 nhắn tin chuyển cho H để hưởng số tiền phần trăm hoa hồng từ H. Khi H đồng ý nhận thì nhắn tin trả lời “OK”.

Trong khoảng thời gian từ 14 giờ đến 18 giờ ngày 08-01-2020, qua tin nhắn trên điện thoại di động, Lê Thị Minh Đ đã bán số lô, số đề cho các đối tượng sau: Phạm Thị Na D với số tiền là 2.790.000 đồng; Hứa Trung Z với số tiền 600.000 đồng; Phạm Ngọc Kh với số tiền 690.000 đồng (so với kết quả xổ số Kh trúng thưởng 800.000 đồng từ Đ), tổng số tiền Kh chơi bạc là 1.490.000 đồng; Nguyễn Văn A số tiền là 2.950.000 đồng; Nguyễn Văn F là 100.000 đồng. Tổng số tiền Đ bán số lô, số đề cho những người chơi trên là 7.130.000 đồng, Đ giữ lại 2.490.000 đồng để tự trả thưởng và ghi thêm số đề với số tiền là 3.550.000 đồng, sau đó chuyển số đề vào tin nhắn điện thoại cho H thông qua Q với số tiền 8.190.000 đồng (Đ trúng thưởng từ H số tiền 1.050.000 đồng). Tổng số tiền Đ đánh bạc ngày 08-01-2020 là 12.530.000 đồng (Tiền bán: 7.130.000 đồng; tiền mua: 3.550.000 đồng; tiền trúng: 1.850.000 đồng). Tổng số tiền H và Q đánh bạc là 9.240.000 đồng (Tiền mua bán: 8.190.000đồng; tiền trúng: 1.050.000 đồng).

Ngoài ra, Lê Thị Minh Đ còn khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 8-2019 đến ngày 07-01-2020, qua tin nhắn trên điện thoại số thuê bao 0336378808 của mình, Đ đã đánh bạc với các đối tượng sau:

Ngày 18-8-2019, Đỗ Anh C dùng tài khoản zalo đăng ký bởi số thuê bao 0989481912 nhắn tin mua số lô, số đề với Đ tổng số tiền là 16.350.000 đồng (Tiền mua: 5.850.000 đồng; tiền trúng: 10.500.000 đồng).

Ngày 30-8-2019, Đào Thị N dùng tài khoản zalo đăng ký bởi số thuê bao 0393381387 đã nhắn tin mua số lô, số đề với Đ tổng số tiền là 6.800.000 đồng (N không trúng thưởng).

Ngày 05-01-2020, Trần Mộng Đ1 dùng điện thoại di động và tài khoản zalo đăng ký bởi số thuê bao 0972390631 nhắn tin mua số lô, số đề với Đ số tiền là 4.590.000 đồng; ngày 07/01/2020 Đ1 mua 1.200.000 đồng.

Ngày 07-01-2020, Nguyễn Văn A dùng điện thoại di động số thuê bao 0366359713 và 0915614125 nhắn tin mua số lô, số đề với Đ tổng số tiền là 9.500.000 đồng (Tiền mua: 2.500.000 đồng; tiền trúng: 7.000.000 đồng).

Tất cả số tiền mua bán số lô, số đề, tiền trúng và tiền phần trăm hoa hồng như đã thỏa thuận giữa Đ, H và những người đánh bạc trên đều chưa thanh toán cho nhau, riêng số tiền trúng thưởng của Đỗ Anh C ngày 18-8-2019 là 10.500.000 đồng thì Đ đã thanh toán cho C.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái đã quyết định:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Minh Đ, Đỗ Bảo H, Đinh Văn Q, Đỗ Anh C, Nguyễn Văn A, Đào Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

2. Về hình phạt:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Minh Đ 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 09-01-2020 đến ngày 19-02-2020 là 42 (bốn mươi hai) ngày.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự xử phạt, bị cáo Đỗ Bảo H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27-4-2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Văn Q 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27-4-2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Anh C 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27-4-2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27-4-2020).

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Đào Thị N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27-4-2020).

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên những quy định về thi hành án treo, quyết định xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo trong vụ án.

Ngày 04 tháng 5 năm 2020, bị cáo Lê Thị Minh Đ kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 319/QĐ-VKS-YB ngày 11 tháng 5 năm 2020, của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái đã kháng nghị Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái. Đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Yên Bái xét xử phúc thẩm theo hướng:

- Không áp dụng điểm r khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lê Thị Minh Đ

- Không áp dụng khoản 1,2 và khoản 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự và không cho các bị cáo Đỗ Bảo H, Đinh Văn Q, Đỗ Anh C, Nguyễn Văn A và Đào Thị N được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Lê Thị Minh Đ, Đỗ Bảo H, Đinh Văn Q, Đỗ Anh C, Nguyễn Văn A và Đào Thị N đều thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm. Bị cáo Lê Thị Minh Đ còn xuất trình thêm Biên lai nộp một phần tiền truy thu là 3.000.000 đồng và tiền án phí hình sự sơ thẩm 200.000 đồng; bị cáo Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo. Các bị cáo khác đề nghị giữ nguyên hình phạt tù cho hưởng án treo như bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Yên Bái trình bày quan điểm cho rằng Quyết định kháng nghị phúc thẩm của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện YB là có căn cứ; đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không cho Lê Thị Minh Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ là “Tự thú” quy định tại khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; đề nghị không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được hưởng án treo của bị cáo Lê Thị Minh Đ; Đề nghị xác định bị cáo Đỗ Bảo H giữ vai trò là người chủ mưu, khởi xướng trong vụ án nên không đủ điều kiện cho hưởng án treo; Đề nghị giữ nguyên hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo Đinh Văn Q, Đỗ Anh C, Nguyễn Văn A và Đào Thị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng trong giai đoạn điều tra, truy tố, xét xử ở cấp sơ thẩm, đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự nên được coi là hợp pháp.

Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện YB và kháng cáo của bị cáo Lê Thị Minh Đ đúng hình thức, trong hạn luật định, đủ điều kiện để giải quyết phúc thẩm.

[2] Lời khai tại phiên tòa phúc thẩm của Lê Thị Minh Đ, Đỗ Bảo H, Đinh Văn Q, Đỗ Anh C, Nguyễn Văn A và Đào Thị N phù hợp nhau, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, từ đó đã đủ căn cứ kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 08-2019 đến tháng 01-2020, các bị cáo đã thực hiện hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề được thua bằng tiền. Trong đó, bị cáo Lê Thị Minh Đ đã 04 thực hiện hành vi đánh bạc với tổng số tiền dùng

đề đánh bạc là 46.380.000đồng; các bị cáo Đỗ Bảo H và Đinh Văn Q thực hiện hành vi đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc là 9.240.000đồng; bị cáo Đỗ Anh C thực hiện hành vi đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc là 16.350.000đồng; bị cáo Nguyễn Văn A thực hiện hành vi đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc là 9.500.000 đồng; bị cáo Đào Thị N thực hiện hành vi đánh bạc với tổng số tiền đánh bạc là 6.800.000 đồng. Do hành vi nêu trên, Bản án sơ thẩm đã kết án các bị cáo về tội “Đánh bạc” theo khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật

[3] Xét nội dung Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 319/QĐ-VKS-YB ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện YB, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Vào hồi 20 giờ 30 phút ngày 08-01-2019, cơ quan Công an đã tiến hành khám xét khẩn cấp người, nơi ở, đồ vật của Lê Thị Minh Đ thu giữ chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO. Bị cáo Đ khai đã tự giác mở mật khẩu máy điện thoại, để cơ quan Công an kiểm tra, xác minh dữ liệu liên quan đến hành vi mua bán số lô, số đề. Quá trình điều tra, bị cáo Đ đã khai nhận những người mua bán số lô, số đề với bị cáo, từ đó cơ quan điều tra đã tiến hành điều tra, xác minh hành vi đánh bạc của Đỗ Bảo H, Đinh Văn Q, Đỗ Anh C, Nguyễn Văn A và Đào Thị N. Việc bị cáo Đ khai ra những hành vi phạm tội trước đó mà chưa bị Cơ quan điều tra phát hiện là hành vi tự thú, nên bản án sơ thẩm cho bị cáo Đ được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm r khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự là chính xác.

Đây là vụ án mà các bị cáo sử dụng kết quả Xổ số kiến thiết Miền Bắc để đánh bạc với nhau. Kết quả điều tra và tại phiên tòa đã xác định bị cáo Lê Thị Minh Đ trực tiếp mua, bán số lô, số đề, tự trả thưởng cho những người chơi bạc với mình và nhiều lần thực hiện tội phạm, với tổng số tiền dùng để đánh bạc là 46.380.000đồng. Trong những người đánh bạc với bị cáo Đ, thì bị cáo Đỗ Bảo H có thỏa thuận với bị cáo Đ là khi có số đề thì Đ chuyển cho H qua tin nhắn điện thoại di động để được hưởng 25% số tiền chơi đề. Ngày 08-01-2020, Đ chuyển số đề cho Đỗ Bảo H với số tiền 8.190.000 đồng. Ngoài lần chuyển số đề này, thì không có tài liệu, chứng cứ chứng minh bị cáo Đ chuyển số đề cho bị cáo H lần nào nữa. Như vậy, so sánh vai trò của bị cáo Đ và bị cáo H trong vụ án, thì Hội đồng xét xử thấy kháng nghị của Viện kiểm sát đề nghị xác định bị cáo H giữ vai trò chủ mưu, là không phù hợp với các tình tiết của toàn bộ nội dung vụ án. Xét bị cáo Đỗ Bảo H không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự; có nhiều tình tiết giảm nhẹ; nhân thân tốt và có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng, nên bản án sơ thẩm cho bị cáo H được hưởng án treo, là phù hợp với hướng dẫn tại Nghị quyết số 02/2018/NQ-HĐTP ngày 15-5-2018, của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự về án treo.

Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử không có căn cứ để chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 319/QĐ-VKS-YB, ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện YB. Đối với hình phạt tù cho hưởng án treo của các bị cáo Đinh Văn Q, Đỗ Anh C, Nguyễn Văn A và

Đào Thị N, đã được Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm đánh giá là phù hợp với quy định của pháp luật, nên được giữ nguyên như Bản án sơ thẩm đã tuyên.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Lê Thị Minh Đ, Hội đồng xét xử thấy rằng: Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Tuy nhiên, sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện nộp được một phần số tiền truy thu nộp ngân sách Nhà nước và nộp toàn bộ án phí hình sự sơ thẩm, đây là tình tiết mới giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, được quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự, đồng thời cũng chứng tỏ bị cáo đã thực sự ăn năn hối cải. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định giảm cho bị cáo Đ một phần hình phạt để thể hiện sự khoan hồng của pháp luật. Bị cáo phạm tội nhiều lần nên không đủ điều kiện để được hưởng án treo, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận nội dung kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo Đ.

[5] Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 355; điểm c khoản 1 Điều 357 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

1. Không chấp nhận Quyết định kháng nghị phúc thẩm số 319/QĐ-VKS-YB ngày 11 tháng 5 năm 2020 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái; chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Thị Minh Đ. Sửa Bản án hình sự sơ thẩm số 10/2020/HS-ST ngày 27 tháng 4 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện YB, tỉnh Yên Bái như sau:

Tuyên bố các bị cáo Lê Thị Minh Đ, Đỗ Bảo H, Đinh Văn Q, Đỗ Anh C, Nguyễn Văn A, Đào Thị N phạm tội “Đánh bạc”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s, r khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Lê Thị Minh Đ 01 (một) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đi thi hành án, được khấu trừ 42 (bốn mươi hai) ngày tạm giữ, tạm giam (từ ngày 09-01-2020 đến ngày 19-02-2020).

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Bảo H 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27-4-2020). Giao bị cáo Đỗ Bảo H cho Ủy ban nhân dân xã ĐM, huyện YB, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đinh Văn Q 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27-4-2020). Giao bị cáo Đinh Văn Q cho Ủy ban nhân dân xã PA, huyện YB, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đỗ Anh C 01 (một) năm tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27-4-2020). Giao bị cáo Đỗ Anh C cho Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện YB, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Nguyễn Văn A 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27-4-2020).Giao bị cáo Nguyễn Văn A cho Ủy ban nhân dân xã YB, huyện YB, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục.

- Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; khoản 1, khoản 2 và khoản 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự, xử phạt bị cáo Đào Thị N 09 (chín) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (27-4-2020). Giao bị cáo Đào Thị N cho Ủy ban nhân dân phường NP, thành phố Y, tỉnh Yên Bái giám sát, giáo dục.

Gia đình người được hưởng án treo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục người đó. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự từ 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án cho hưởng án treo.

2. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Về án phí: Các bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Bản án hình sự phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao tại H Nội;
- Vụ GDKT I-TAND tối cao;
- Sở tư pháp tỉnh Yên Bái ;
- VKSND tỉnh Yên Bái;
- TAND huyện YB (6);
- VKSND huyện YB;
- Công an huyện YB;
- Chi cục THADS huyện YB;
- Các bị cáo;
- UBND phường NP, TP Yên Bái;
- UBND xã ĐM, huyện YB;
- UBND xã YB, huyện YB;
- UBND thị trấn B, huyện YB;
- Lưu: HS(2), TA, tiêu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Trung Dũng

